

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức thu học phí các hệ đào tạo năm học 2020 - 2021 Tại Trường Đại học Quảng Bình

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

Căn cứ Quyết định số 237/2006/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Quảng Bình;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021; Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động Thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGD&ĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 24 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình quy định mức thu các loại phí, lệ phí, học phí trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Theo đề nghị của Phòng Kế hoạch tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu học phí đối với sinh viên, học viên các hệ đào tạo năm học 2020-2021 theo phương thức tín chỉ của Trường Đại học Quảng Bình, cụ thể:

1. Đại học chính quy, chương trình 2:

- Nhóm ngành 1: Khoa học và xã hội, kinh tế, luật, nông, lâm, thủy sản: 260.700đồng/tín chỉ;

- Nhóm ngành 2: Khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật, khách sạn, du lịch: 311.100đồng/tín chỉ.

2. Đại học liên thông chính quy; văn bằng 2 chính quy: Mức thu học phí bằng 1,2 mức thu học phí chính quy;



32

3. Đại học liên thông vừa làm, vừa học; văn bằng 2 VLVH:

+ Liên thông từ Trung cấp, CĐ lên Đại học; văn bằng 2 (nhóm ngành 1) :
287.000đồng/tín chỉ;

+ Liên thông từ Trung cấp, CĐ lên Đại học; văn bằng 2 (nhóm ngành 2) :
342.000đồng/tín chỉ;

Điều 2: Hệ số áp dụng: Đại học:1; Cao đẳng: 0,8

Mức thu được áp dụng cho năm học 2020-2021, các trường hợp nợ học phí của các năm học trước sẽ được tính dựa trên mức học phí tại Quyết định này.

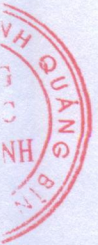
Điều 3: Trưởng các đơn vị: Kế hoạch-Tài chính, Đào tạo, Công tác sinh viên; Trưởng các khoa, bộ môn và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HT và PHT;
- UBND tỉnh; (để BC)
- Sở tài chính;
- Đăng tải Website của Trường;
- Lưu: VT, KHTC.



PGS.TS Hoàng Dương Hùng



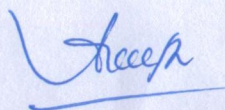
BẢNG TÍNH MỨC THU HỌC PHÍ ĐỐI VỚI ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY NĂM HỌC 2020-2021
 (Thực hiện Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 24/10/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

TT	Trình độ, nhóm ngành, đào tạo	Mức thu học phí theo Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 24/10/2016 (đồng/tháng/sv)	Thực hiện tại trường ĐHQB			Ghi chú
			Chương trình đào tạo tín chỉ/khóa học (số tín chỉ)	Thời gian đào tạo (năm)	Mức thu học phí theo tín chỉ học (đồng/tín chỉ)	
1	2	3	4	5	6	7
I	Đại học					
1	Nhóm ngành 1 (KHXH, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản)	880.000	135	4	260.700	
2	Nhóm ngành 2 (KHTN, Kỹ thuật, công nghệ; Thể dục thể thao, nghệ thuật, khách sạn, du lịch)	1.050.000	135	4	311.100	
II	Cao Đẳng					
1	Nhóm ngành 1 (KHXH, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản)	700.000	Mức học phí bằng 0,8 mức học phí hệ Đại học theo từng nhóm ngành		208.500	
2	Nhóm ngành 2 (KHTN, Kỹ thuật, công nghệ; Thể dục thể thao, nghệ thuật, khách sạn, du lịch)	850.000			248.800	
	Tổng cộng					

HIỆU TRƯỞNG

 PGS.TS. Hoàng Dương Hùng

Quảng Bình, ngày 10 tháng 9 năm 2020
KẾ TOÁN TRƯỞNG


 Mai Thị Huyền Nga